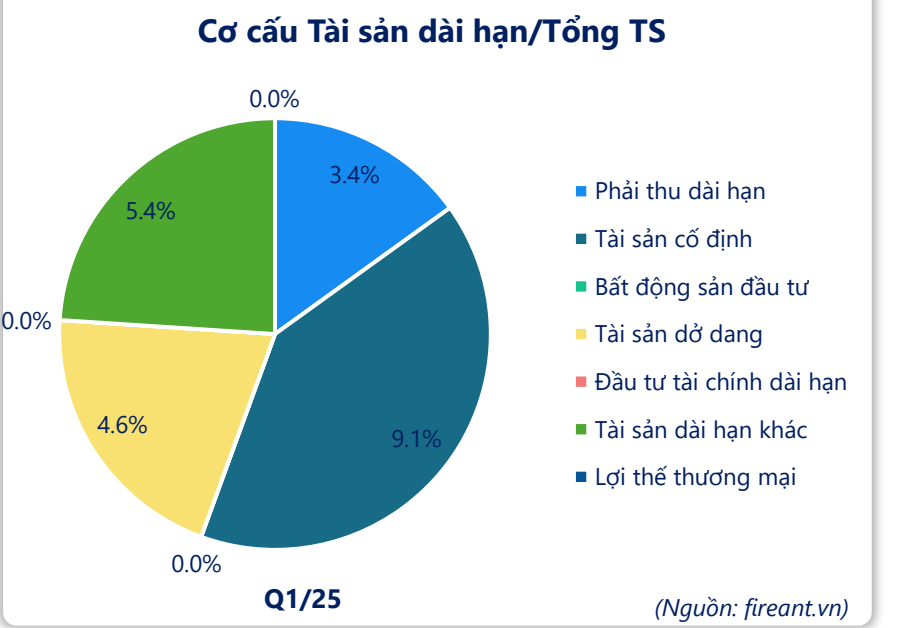
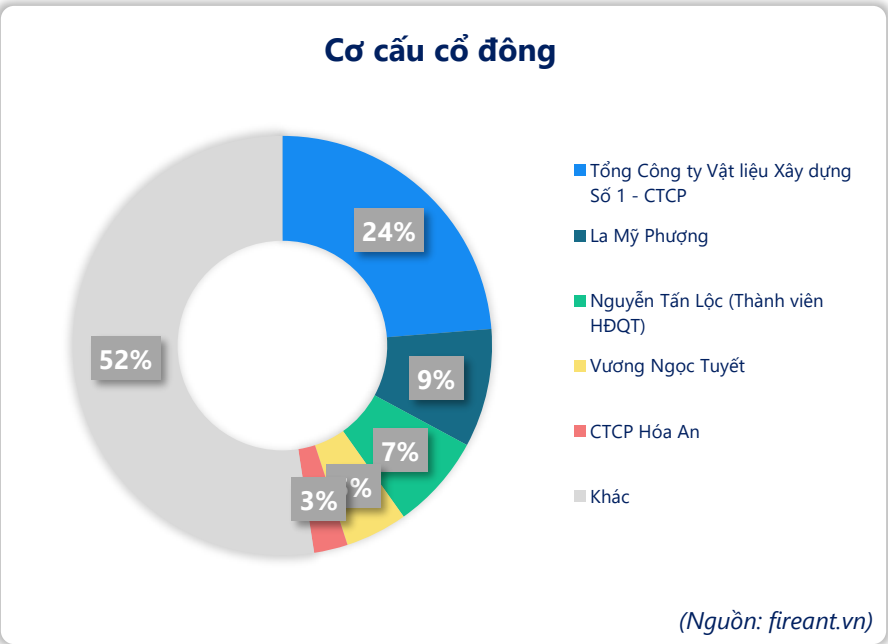
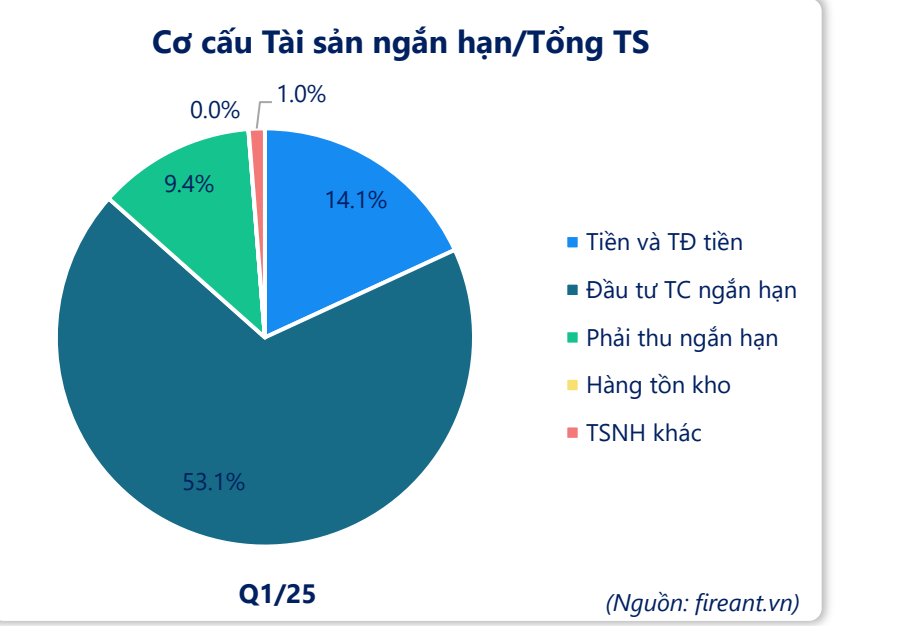
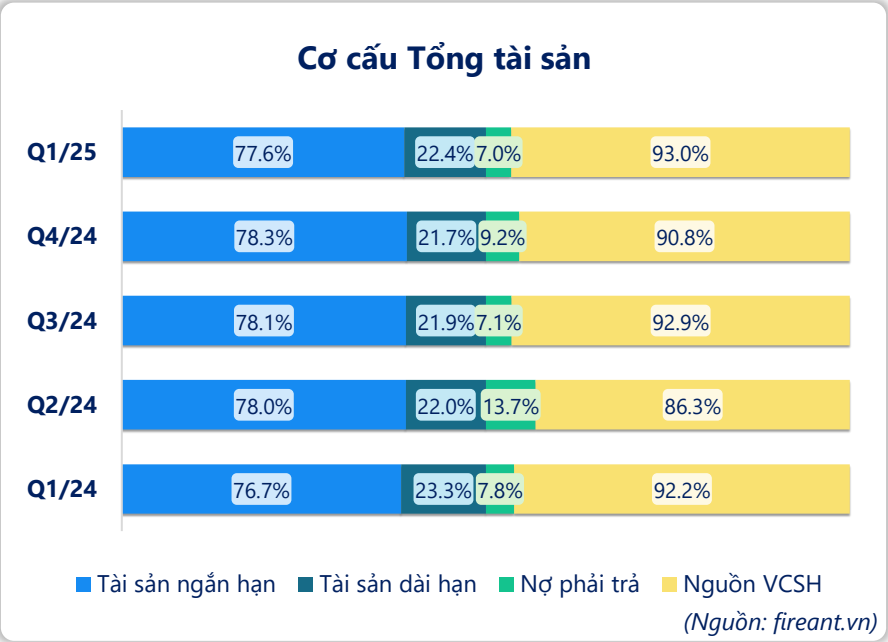
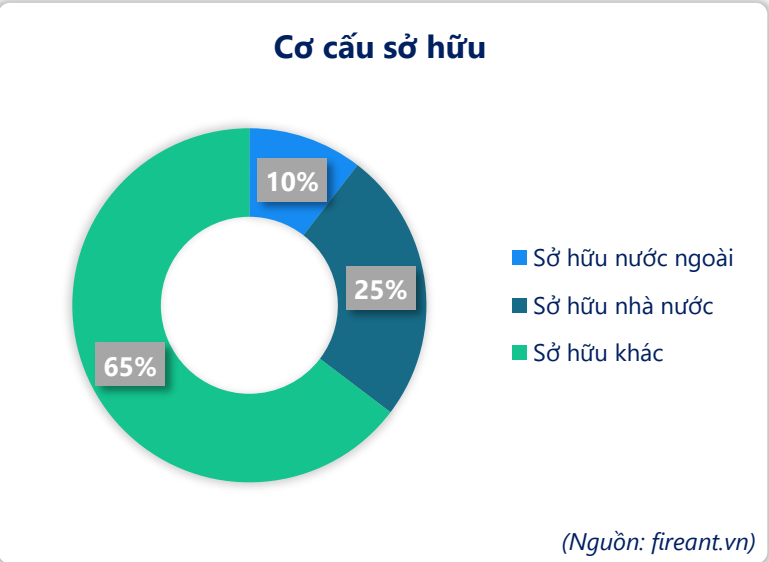
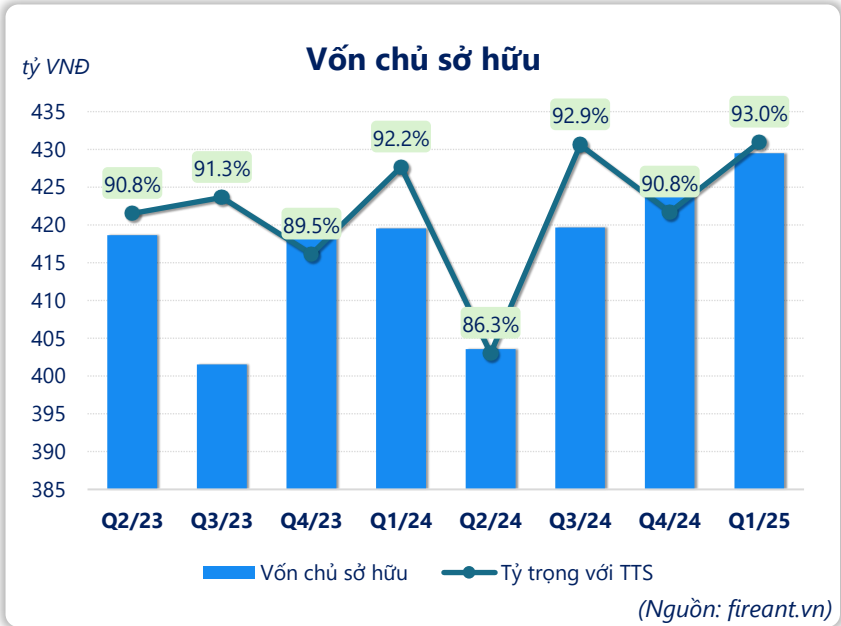
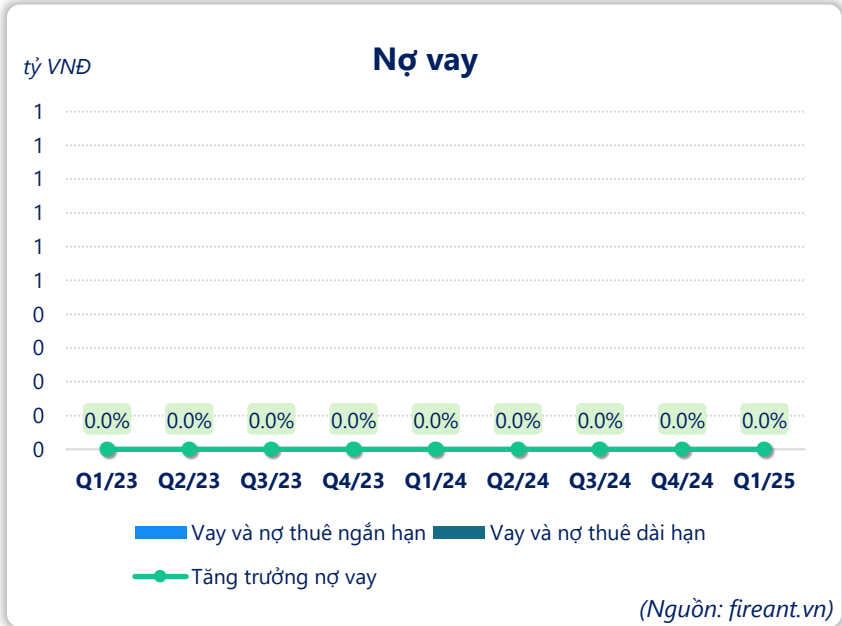
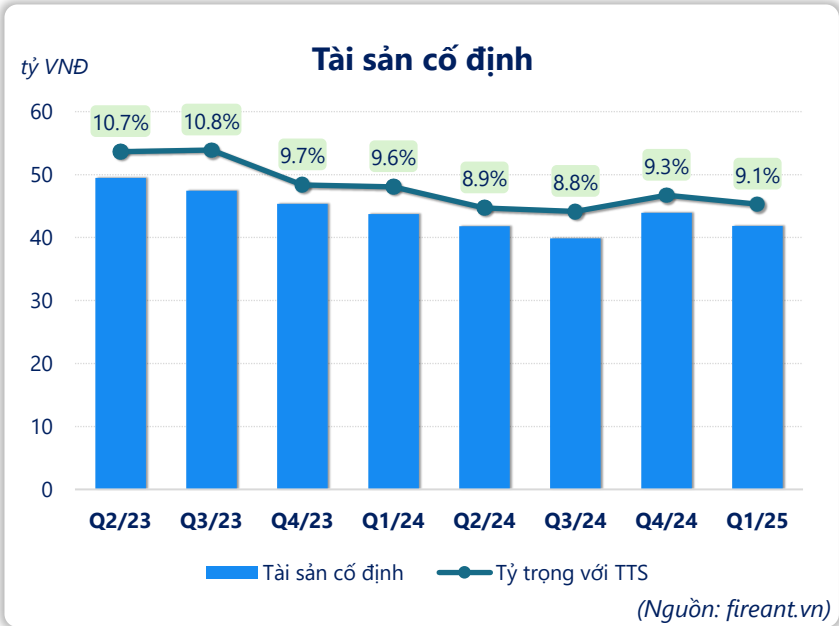
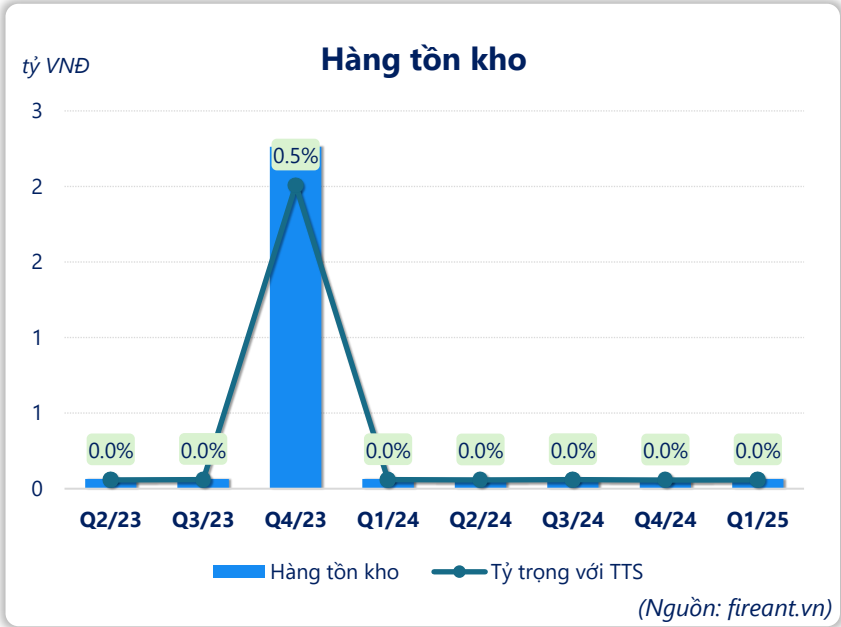
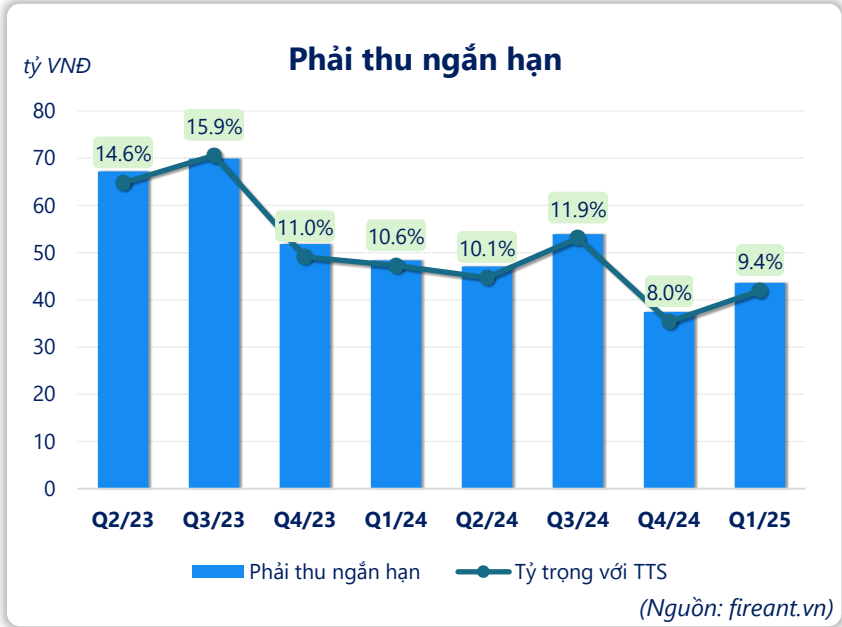
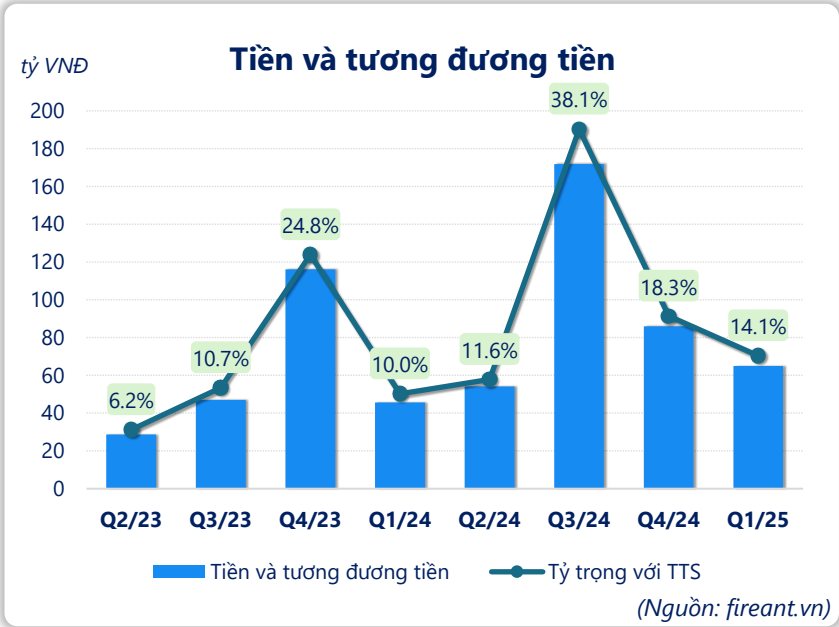
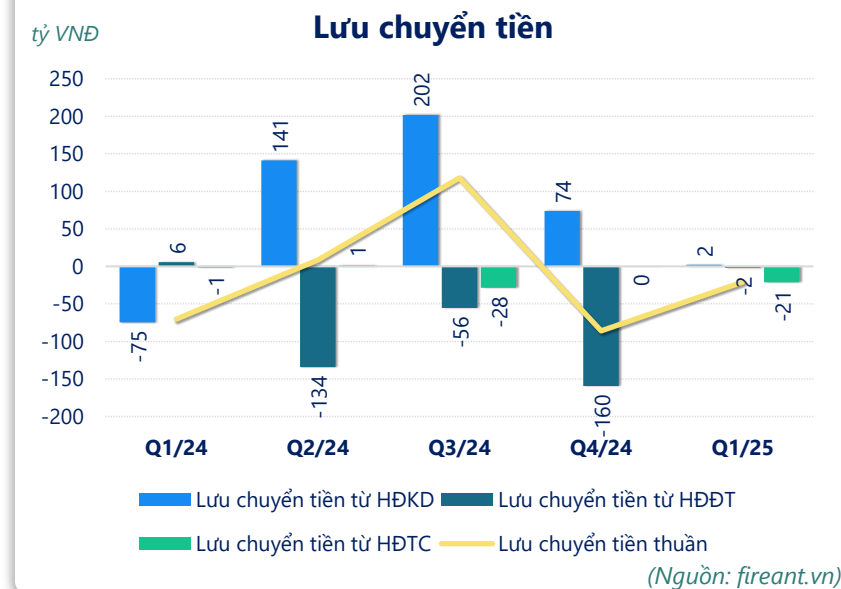
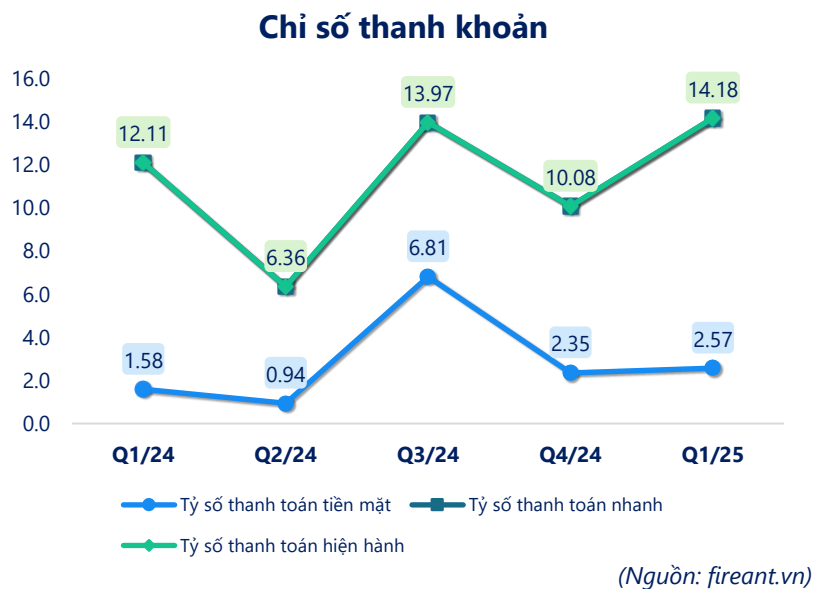
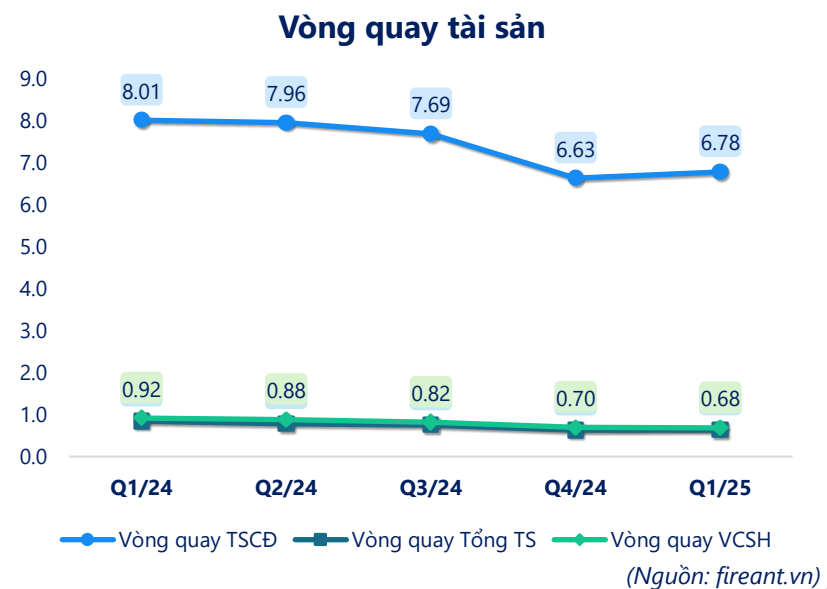
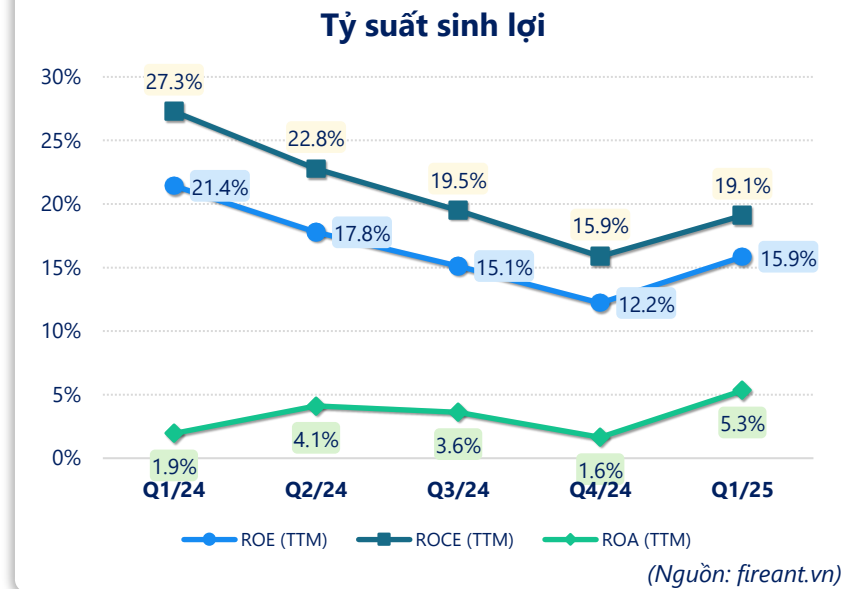
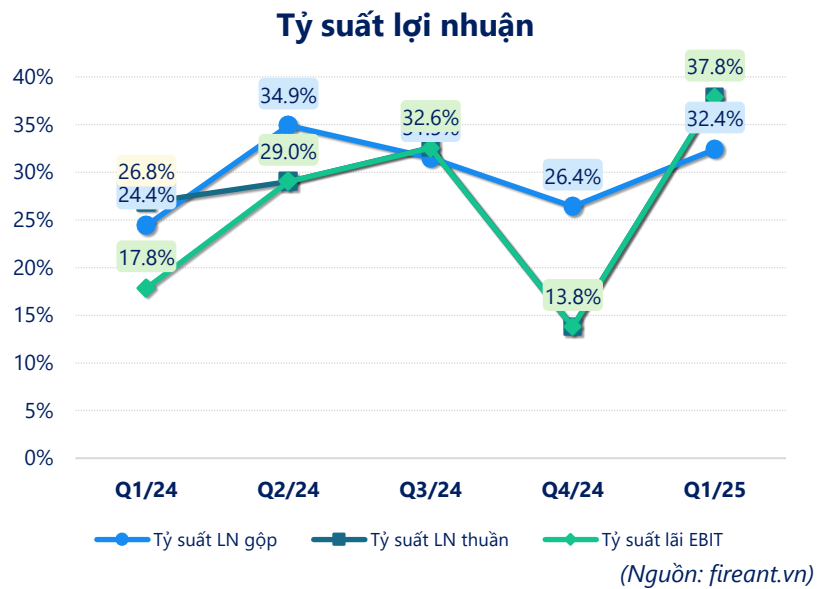
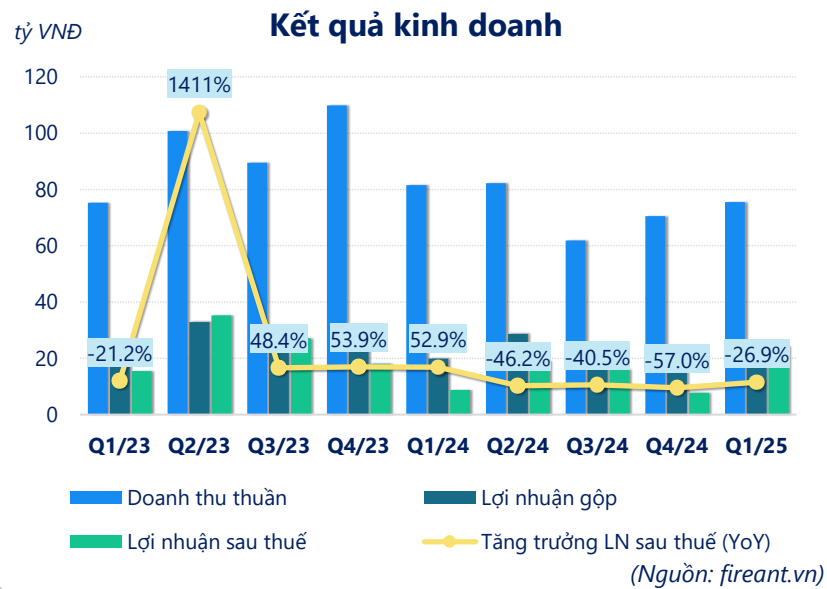


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		39,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		45,354
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		37,624
SL cổ phiếu LH		14,726,073
KLGD BQ 20 phiên (CP)		26,540
% sở hữu nước ngoài		10.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		574
P/E		8.5
EPS		4,570

	YTD	1T	3T	6T
DHA	-7.5%	-4.5%	-9.8%	-1.4%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	462	470	-1.9%
Tài sản ngắn hạn	358	368	-2.7%
Tiền và tương đương tiền	65.0	86.0	-24.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	245	240	2.1%
Phải thu ngắn hạn	43.6	37.4	16.5%
Hàng tồn kho	0.06	0.06	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	4.47	4.54	-1.5%
Tài sản dài hạn	103	102	1.1%
Phải thu dài hạn	15.5	10.5	47.6%
Tài sản cố định	41.8	43.9	-4.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	21.1	21.1	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	24.7	26.5	-6.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	32.2	43.2	-25.6%
Nợ ngắn hạn	25.3	36.5	-30.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	8.57	7.35	16.7%
Nợ dài hạn	6.91	6.72	2.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	429	427	0.5%
Vốn chủ sở hữu	429	427	0.5%
Vốn điều lệ	151	151	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	81.5	82.3	61.9	70.5	75.5
Giá vốn hàng bán	61.6	53.6	42.4	51.9	51.1
Lợi nhuận gộp	19.9	28.7	19.5	18.6	24.5
Doanh thu HĐTC	5.74	0.78	4.37	2.29	8.08
Chi phí TC	0.00	0.63	0.09	0.29	0.00
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.02	0	0	0	0
Chi phí QLDN	3.75	5.00	3.61	10.9	3.96
LN thuần từ HĐKD	21.9	23.9	20.1	9.72	28.6
Lợi nhuận khác	-7.33	0.00	0.00	0.00	0.00
LN trước thuế	14.5	23.9	20.1	9.72	28.6
Lợi nhuận sau thuế	8.78	19.1	16.1	7.73	24.4
LNST của CĐ cty mẹ	8.78	19.1	16.1	7.73	24.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-74.7	141	202	73.9	2.30
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	5.74	-134	-55.5	-160	-1.91
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.49	1.49	-28.5	-0.20	-21.4
Tiền đầu kỳ	116	45.7	54.0	172	86.0
Lưu chuyển tiền thuần	-70.5	8.37	118	-85.9	-21.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	45.7	54.0	172	86.0	65.0

(Nguồn: fireant.vn)